

DANH SÁCH SINH VIÊN
Môn: Quản trị tổ chức sự kiện
Nhóm: 02, HK3 NH 2021 - 2022
CBGD: Phan Nguyễn Phong Luân

STT	MSSV	Họ	Tên	ĐQT	ĐT	ĐHP
1	2120270186	Nguyễn Lạc Lam	Anh	7.9	9.2	8.7
2	2120270187	Phạm Thị Lan	Anh	8.2	6.2	7
3	2120260176	Nguyễn Vũ	Bảo	7.4	6.6	6.9
4	2120270072	Dương Thị Kim	Cương	7.2	4.1	5.3
5	2120260250	Nguyễn Thị	Diễm	7.1	5.7	6.3
6	2120270219	Nguyễn Thanh Hoàng	Gia	8.6	8.7	8.7
7	2120270220	Mai Nguyễn Huỳnh	Giao	8.6	8	8.2
8	2120270076	Đinh Phi	Hải	8.4	6.7	7.4
9	2120270077	Trần Thị	Hằng	9	6.1	7.3
10	2120260254	Đỗ Trung	Hậu	8.8	8.1	8.4
12	2120270079	Nguyễn Thị Kim	Hiền	8.2	9.5	9
11	2120270080	Trương Thị Ngọc	Hiền	8	5.6	6.6
13	2120270178	Trần Mai Hồng	Huế	9.2	8.4	8.7
15	2120270083	Nguyễn Đăng	Khoa	8.3	8	8.1
14	2120270221	Trần Minh	Khoa	9	7.9	8.3
16	2120270084	Trần Thị Thúy	Kiều	7.2	4	5.3
17	2120270085	Nguyễn Ngọc Trúc	Linh	8.4	4.7	6.2
18	2120270154	Tô Thị Mỹ	Linh	7.8	7.5	7.6
20	2120260259	Võ Nhật	Long	7.5	5.3	6.2
19	2119270252	Phạm Thành	Lộc	0	0	0
21	2120270205	Nguyễn Thị Kim	Ly	8.7	7.6	8
22	2120270224	Nguyễn Hoàng	Minh	8.2	7	7.5
23	2120270194	Lê Nguyễn Trà	My	8.5	8.3	8.4
24	2120270225	Nguyễn Ngọc Trà	My	8.8	8.8	8.8
25	2120270088	Nguyễn Thị Thu	Nga	8.8	6.3	7.3
26	2120270089	Võ Thị Thùy	Ngân	8.1	8.4	8.3
27	2120270226	Lê Nguyễn Hoàng Kim	Ngọc	9.1	8.4	8.7
28	2120270162	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	7.4	7.3	7.3
29	2120270197	Phan Xuân	Nhật	6.2	5.9	6
33	2120270119	Dương Thị Bích	Nhi	8.6	5.1	6.5
34	2120270228	Huỳnh Triệu Ái	Nhi	8.3	6.7	7.3
31	2120270121	Nguyễn Thị Lan	Nhi	8.6	7.8	8.1
32	2120260263	Nguyễn Thị Yến	Nhi	7.5	8.2	7.9

30	2120270163	Trần Thị Linh	Nhi	4.9	6.1	5.6
35	2119260026	Thạch Danh Mô	Ni	6.5	6.8	6.7
36	2120270125	Nguyễn Thị Kim	Oanh	8.7	5.4	6.7
37	2120270198	Trần Vũ Minh	Phong	5.9	3.4	4.4
38	2120270166	Trần Hữu	Phước	6.9	2	4
40	2120270229	Hồ Thị Thanh	Phương	8.8	6.8	7.6
39	2120100056	Nguyễn Thị Hoài	Phương	8.7	7.1	7.7
41	2120270167	Lê Thị Hồng	Phượng	8.2	6.3	7.1
43	2120260265	Nguyễn Toàn	Quang	8.8	5.3	6.7
42	2119260064	Nguyễn Anh	Quân	7	5	5.8
44	2120270093	Đoàn Thị Kim	Quyên	7.7	7.4	7.5
45	2120270200	Đặng Thị	Tặng	8.2	8.1	8.1
47	2120260063	Phan Phước	Thành	5.6	4.6	5
48	2120270169	Thái Thị Thanh	Thảo	7.4	6.6	6.9
46	2120260025	Võ Thị	Thắm	8.7	7.7	8.1
49	2120270130	Trương Ngọc	Thi	8.4	7.9	8.1
50	2120170343	Phạm Hữu	Thiện	8.4	4.5	6.1
51	2120260026	Lê Thị	Thơ	8.2	5.8	6.8
52	2120270098	Nguyễn Châu Anh	Thư	8.9	5.5	6.9
53	2120270232	Đoàn Thị Cẩm	Tiên	8.7	7.1	7.7
54	2120270170	Trần Quốc	Tín	7.2	4	5.3
55	2120270132	Bùi Thị Thu	Trang	7.5	7.7	7.6
56	2120120346	Lê Thị Thu	Trang	7.8	8.5	8.2
57	2120220010	Nguyễn Văn	Trí	7.5	4.8	5.9
58	2120270101	Nguyễn Lê Tú	Tròn	7.7	5	6.1
59	2120270135	Nguyễn Văn	Trực	8.3	6.5	7.2
60	2119270266	Nguyễn Nhật	Trường	8.6	6	7
61	2120270211	Đỗ Anh	Tú	9.1	5.9	7.2
63	2119270277	Trương Thái	Tuấn	0.6	0	0.2
64	2119270197	Trần Thanh	Tuyền	6.7	4.7	5.5
62	2120260274	Phạm Sơn Tra	Tử	8.9	5.7	7
65	2120270136	Phạm Thị Thu	Vân	6.9	7.1	7
68	2120270105	Hoàng Gia Triệu	Vi	7.5	6.9	7.1
66	2120270104	Nguyễn Thị Hồng	Vi	8.8	7.1	7.8
67	2120270235	Nguyễn Thị Tường	Vi	7.8	6.9	7.3
69	2119060067	Hà Xuân	Vũ	7.3	5.6	6.3
70	2120270174	Nguyễn Ngọc Phương	Vy	7.9	7.6	7.7
71	2120270139	Hồ Thị	Xuyên	8.9	6	7.2